SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT BÀ ĐIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO
Công khai hoạt động giáo dục năm học 2024 - 2025

(thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1.1. Tên trường: Trường Trung học phổ thông Bà Điểm.

1.2. Địa chỉ: Nguyễn Thị Sóc, Ấp Bắc Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: (028) 37125691

- Email: c3badiem.tphcm@moet.edu.vn

- Cổng thông tin điện tử: thptbadiem.hcm.edu.vn

1.3. Loại hình của cơ sở giáo dục: trường công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tổ chức Đảng: Chi bộ nhà trường có 36 đảng viên. Hằng năm, đảng viên đều được đánh giá phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Trường có 12 tổ chuyên môn gồm: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân, Toán, Tin học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Giáo dục thể chất - Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Tiếng Anh và 01 tổ Văn phòng.

- Đoàn thể: Công đoàn cơ sở có những hoạt động chăm lo đời sống cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và bảo vệ lợi ích chính đáng cho người lao động. Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong nhà trường bao gồm các Chi đoàn học sinh và Chi đoàn giáo viên của trường đây là hạt nhân trong các hoạt động phong trào.

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

- Sứ mạng: Xây dựng môi trường học tập và rèn luyện thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng, nhân văn và đội ngũ đoàn kết, tâm huyết, trách nhiệm, có năng lực. Đào tạo thế hệ học sinh có trình độ, có năng lực tư duy sáng tạo, năng động, có khả năng thích ứng trong cuộc sống.

- Tầm nhìn: trường THPT Bà Điểm trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương, trường đạt kiểm định Chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và chuẩn Quốc gia Mức độ 2. Phấn đấu trở thành ngôi trường được cha mẹ học sinh, học

sinh lựa chọn để học tập; cán bộ, giáo viên, nhân viên tự hào, gắn bó và cống hiến.

- Mục tiêu: xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, trở thành một trong những trường THPT tiên tiến, hiện đại, thúc đẩy địa phương phát triển nhanh, mạnh, bền vững phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

1.5. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường THPT Bà Điểm được thành lập từ năm học 1998 - 1999, tọa lạc tại đường Nguyễn Thị Sóc, ấp Bắc Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng diện tích mặt bằng là 10.700m^2 trong đó khu vực học tập có diện tích 8.100m^2 và nhà tập thể dục thể thao có diện tích 2.600m^2**.** Nhà trường xây dựng được một tập thể đoàn kết, tâm huyết, trách nhiệm, tận tụy, tận tâm với học sinh, xem chất lượng đào tạo là mục tiêu hàng đầu của nhà trường, tạo được uy tín và niềm tin đối với cha mẹ học sinh. Chi bộ nhà trường luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có năng lực tập hợp quần chúng. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn hết mình vì sự nghiệp giáo dục. Đoàn thể hoạt động tốt, hỗ trợ hoạt động phong trào văn, thể, mỹ và phong trào thi đua "Dạy tốt - Học tốt". Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình trong việc phối hợp với nhà trường giáo dục đạo đức học sinh. Tỷ lệ tốt nghiệp Trung học phổ thông đạt 100%, tỷ lệ đậu Đại học trên 93%.

1.6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Võ Thành Danh - chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Nguyễn Thị Sóc, Ấp Bắc Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 0938116651

- Email: danhbadiem75@gmail.com

1.7. Tổ chức bộ máy

- Trường Trung học phổ thông Bà Điểm được thành lập theo Quyết định số 2995A/QĐ-UB-NCVX ngày 09 tháng 6 năm 1998 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập trường THPT Bà Điểm.

- Hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số 3270/QĐ-SGDĐT ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Hội đồng trường công nhận theo Quyết định số 3950/QĐ-SGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo

Danh sách thành viên Hội đồng trường:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1	Võ Thành Danh	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
2	Lưu Thanh Vân	Phó chủ tịch UBND xã Bà Điểm	Thành viên
3	Nguyễn Thị Túy Phượng	Phó Hiệu trưởng Chủ tịch công đoàn cơ sở	Thành viên
4	Phan Liên Yến Phi	Bí thư chi đoàn giáo viên	Thành viên
5	Tống Minh Trọng	Trợ lý thanh niên	Thành viên
6	Phạm Thị Thương	Thư ký, Giáo viên	Thành viên
7	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
8	Trần Trung Tác	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
9	Trần Quang Hiếu	Tổ trưởng văn phòng	Thành viên
10	Lã Dương Huyền	Trưởng Ban đại diện CMHS	Thành viên
11	Tỉa Phạm Mẫn Nghi	Bí thư đoàn trường	Thành viên

- Hiệu trưởng được công nhận theo Quyết định số 240/QĐ-SGDĐT-TC ngày 03/02/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Phó Hiệu trưởng Cô Nguyễn Thị Túy Phượng được công nhận theo Quyết định số 2954/QĐ-SGDĐT ngày 28/08/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Phó Hiệu trưởng Cô Đào Phương Thảo Quyết định số 1315/QĐ-SGDĐT ngày 27/5/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT Bà Điểm được ban hành theo Quyết định số 230/QĐ-THPT.BĐ ngày 15/10/2021 với 13 chương, 64 điều.

- Thông tin tập thể lãnh đạo đơn vị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Email - Điện thoại
1	Võ Thành Danh	Hiệu trưởng	danhbadiem75@gmail.com ĐT: 0938116651
2	Nguyễn Thị Túy Phượng	Phó Hiệu trưởng	tuyphuongbd@gmail.com ĐT: 0908820607
3	Đào Phương Thảo	Phó Hiệu trưởng	daophuongthao95@yahoo.com.vn 0982251150

1.8. Các văn bản khác của nhà trường gồm kế hoạch chiến lược; quy chế dân chủ; Nghị quyết Hội đồng trường; quy định quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; các kế hoạch triển khai thực hiện công tác giáo dục đều được công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ: thptbadiem.hcm.edu.vn.

2. Thu, chi tài chánh

2.1. Tình hình tài chánh năm học 2023 - 2024

Nguồn ngân sách nhà nước cấp tính đến ngày 31/7/2024

Stt	Nguồn kinh phí	Số tiền được cấp	Số dư đến T7
1	Nguồn kinh phí thường xuyên	13.516.500.000	7.379.218.701
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương (Trích từ nguồn kinh phí thường xuyên)	2.402.000.000	1.194.921.390
3	Nguồn kinh phí không thường xuyên	3.996.310.000	1.320.860.189
4	Nguồn cải cách tiền lương do ngân sách đảm bảo (Thực hiện chi TNTT theo Nghị quyết 08/2023)	11.942.917.652	6.203.079.187

Nguồn thu sự nghiệp tại trường năm học 2023 - 2024

Stt	Nội dung thu	Thời gian thực hiện	Mức thu
I	Tiền học phí buổi 1	09 tháng	100.000/tháng
II	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa		
1	Tiền tổ chức 02 buổi/ ngày	09 tháng	280.000 đ/tháng
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	Thu theo thực tế	160.000 đ/tháng
III	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án		
1	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh	Thu theo thực tế	100.000 đ/tháng

Stt	Nội dung thu	Thời gian thực hiện	Mức thu
	theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030		
IV	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh		
1	Tiền nước uống	Thu theo thực tế	90.000 đ/năm
2	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cả năm học	Thu theo thực tế	120.000 đ/năm
3	Tiền thuê máy lạnh và tiền điện sử dụng cho máy lạnh	Thu theo thực tế	50.000 đ/tháng
4	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	Thu theo thực tế	25.000 đ/năm

Nguồn tài trợ giáo dục năm học 2023 - 2024

- Công văn số 4993/SGDĐT-KHTC ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt kế hoạch vận động tài trợ của trường THPT Bà Điểm năm học 2023 - 2024.

- Đơn vị được tài trợ 16 tivi (bằng hiện vật) 55 inch cho phòng học khối 10 Chương trình GDPT 2018, năm học 2023 - 2024.

2.2. Các khoản thu năm học 2024 - 2025

Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác

Khoản thu	Mức thu, hạn thu
1. Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	280.000 đồng/học sinh/tháng (thu 9 tháng). (từ tháng 9/2024 đến tháng 5/2025).
2. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	160.000 đồng/học sinh/tháng (thu 8 tháng). (từ tháng 9/2024 đến tháng 4/2025).

3. Tiền tổ chức học bơi cho học sinh khối 10	160.000 đồng/học sinh/khóa học. (thu 1 lần ở tháng 11).

Các khoản thu tổ chức hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án

Khoản thu	Mức thu, hạn thu
1. Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao nâng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030".	100.000 đồng/học sinh/tháng (thu 9 tháng). (từ tháng 9/2024 đến tháng 5/2025).

Các khoản thu cho cá nhân học sinh

Khoản thu	Mức thu, hạn thu
1. Dịch vụ mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	200.000đ/học sinh/năm
2. Dịch vụ tổ chức phụ vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	220.000đ/học sinh/tháng (thu 9 tháng) (từ tháng 9/2024 đến tháng 5/2025).
3. Dịch vụ suất ăn trưa bán trú	30.000đ/học sinh/ngày
4. Dịch vụ mua sắm đồng phục học sinh	- Nữ: 295.000đ/bộ; Nam: 295.000đ/bộ. - Đồng phục thể dục: 140.000đ/bộ.
5. Dịch vụ nước uống	15.000đ/học sinh/tháng (thu 9 tháng) (từ tháng 9/2024 đến tháng 5/2025).
6. Dịch vụ sử dụng máy lạnh (tiền điện và chi phí bảo trì, chi phí thuê)	K12: 35.000đ/học sinh/tháng (thu 9 tháng). (từ tháng 9/2024 đến tháng 5/2025).
	K11, K10: 50.000đ/học sinh/tháng (thu 9 tháng - từ tháng 9/2024 đến tháng 5/2025).
7. Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	20.000 đồng/học sinh/tháng (thu 9 tháng). (từ tháng 9/2024 đến tháng 5/2025).
8. Dịch vụ khám sức khỏe học sinh	25.000 đồng /học sinh/năm học.

Khoản thu	Mức thu, hạn thu
ban đầu.	(thu 1 lần ở tháng 9).
9. Bảo hiểm tai nạn	45.000đ/học sinh/năm học (thu 1 lần ở tháng 9).
10. Bảo hiểm y tế năm 2025.	Khối 12: 663.390 đồng/9 tháng Khối 11 và 10: 884.520 đồng/12 tháng (thu 1 lần ở tháng 10)

2.3. Kết quả thực hiện chính sách năm học 2024 - 2025

Học bổng - quà tết cho học sinh vượt khó, đạt thành tích trong học tập

Stt	Nội dung	Số HS	Số tiền	Nguồn tài trợ
1	Chăm lo học sinh có hoàn cảnh khó khăn không thuộc diện chính sách K12, K11, K10	30	105.780.000đ	Quỹ khuyến học nhà trường
2	Chăm lo học sinh khó khăn có thành tích học tập tốt	03	15.000.000đ	Hội chữ thập đỏ TPHCM
3	Chăm lo học sinh khó khăn có thành tích học tập tốt	06	15.000.000đ	Hội khuyến học Huyện Hóc Môn
4	Chăm lo học sinh khó khăn có thành tích học tập tốt	04	9.600.000đ	Học bổng Quách Thị Trang
5	Chăm lo học sinh khó khăn có thành tích học tập tốt.	23	6.440.000	Quỹ giúp bạn vượt khó Đoàn trường
6	Chăm lo học sinh khó khăn có thành tích học tập tốt trong dịp Tết Âm lịch	75	39.650.000	Quỹ Nụ cười hồng của Chi đoàn giáo viên
TỔNG		**141**	**191.470.000đ**	

Học sinh miễn giảm thuộc các diện

Nội dung	Hộ nghèo	Hòa nhập	Hộ cận nghèo	Con GV
Số học sinh	11 HS	15 HS	4 HS	9 HS
Diện miễn - giảm	Toàn phần (4 dân tộc Khơme,1 con liệt sĩ, 11 hộ nghèo)	Toàn phần	Từ 50% các khoản	Miễn 100% HP buổi 2, AVBN, Mos
Số tiền	74.340.000	75.280.000	10.100.000	43.860.000
Tổng	203.590.000đ			

2.4. Số dư các quỹ theo qui định đến ngày 31/7/2024

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Học phí công lập	1.265.721.498	
2	Buổi 2	34.842.067	
3	Cải cách tiền lương	1.667.397.783	
4	Khen thưởng	302.693.034	
5	Phúc lợi	771.697.653	
6	Phát triển sự nghiệp	980.867.224	
7	Quỹ ổn định thu nhập	7.606.802	
8	Quỹ bổ sung thu nhập	12.726.548	

2.5. Các nội dung công khai tài chánh thực hiện đúng qui định của pháp luật về tài chánh.

II. CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

1.1. Thông tin về đội ngũ, cán bộ quản lý, nhân viên

TT	Thành phần	Tổng	Nữ	Đảng	HĐ	HĐ	Trình độ chuyên môn

				viên	thời hạn	thỉnh giảng	>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
I.	Quản lý	3	2	3	3		3	0		
II.	Giáo viên	88	61	31	88		18	70		
1	Toán	16	13	6	16		3	13		
2	Ngữ Văn	11	11	4	11		3	8		
3	Tiếng Anh	11	7	2	11		2	9		
4	Vật Lý	10	6	4	10		1	9		
5	Hóa Học	8	6	2	8		3	6		
6	Sinh Học	4	3	1	4		1	3		
7	Lịch Sử	5	4	2	5		0	5		
8	Địa Lý	4	4	2	4		1	4		
9	GD.Công dân	2	1	0	2		0	2		
10	Công nghệ	4	2	3	4		1	3		
11	Tin học	4	3	1	4		2	2		
12	Thể dục	6	0	2	6		1	5		
13	GDQP&AN	3	2	2	3		0	3		
III.	Nhân viên	12	7	2	4	8	0	2	0	10
1	Văn thư	1	0		1					1
2	Kế toán	1	1		1					1
3	Thư viện	1	1		1			1		
4	Y tế	1	1	1		1				1
5	Bảo vệ	4				4				4
6	Phục vụ	3	3			3				3
7	CNTT	1	1	1	1			1		
Toàn trường		**103**	**70**	**36**	**95**	**8**	**21**	**72**	**0**	**10**

- 100% giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo qui định

1.2 Thông tin về cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	45	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	45	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	02	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	32	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1 lớp/phòng	
8	Bình quân học sinh/lớp	44 HS/lớp	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m^2)	10.700 m^2	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)	2.700m^2	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m^2)	63 m^2	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	72 m^2	
3	Diện tích thư viện (m^2)	96 m^2	
4	Diện tích phòng giáo dục rèn luyện thể chất (m^2)	680 m^2	
VII	Nhà bếp	01	
VIII	Nhà ăn	01	
IX	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	00	
X	Nhà vệ sinh	04 cái	Dùng cho giáo viên
		20 cái	Dùng cho học sinh
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	nguồn nước máy của nhà máy.	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	lưới điện Hóc Môn	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	Đường truyền cáp quang: 01line cho khu hành chính, 01 line cho thư viện và học tập. 01 line và 03 phòng vi tính	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của trường	thptbadiem.hcm.edu.vn	
XV	Tường rào xây	có tường rào bao quanh khuôn viên trường	

Thiết bị dạy học

I	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	06	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	02	0.13
2	Khối lớp 11	02	0.13
3	Khối lớp 12	02	0.13
II	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	135	15hs/bộ
III	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Ti vi	30	
2	Đầu Video/đầu đĩa	07	
3	Máy chiếu projector	5	
4	Hệ thống âm thanh lớp	24	
6	Hệ thống âm thanh sân trường	02	

- Danh mục sách giáo khoa và sách tham khảo sử dụng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

1.3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

- Nhà trường đã đánh giá ngoài như sau: đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo quyết định số 2442-12/QĐ-SGDĐT-KTKĐCLGD ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh; đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1 theo quyết định số 4041/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả đánh giá ngoài công khai tại địa chỉ: https://thptbadiem.hcm.edu.vn/kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/c/91097

- Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài và xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng để khắc phục các hạn chế chưa đạt theo yêu ở cấp độ cao hơn.

2. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

2.1. Thông tin về kế hoạch giáo dục phổ thông

Kế hoạch tuyển sinh: thực hiện theo chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn nộp hồ sơ trúng tuyển Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 hằng năm.

Kế hoạch giáo dục: đơn vị xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 theo Công văn số 4977/SGDĐT-GDTrH ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024 - 2025.

Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình, xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh: đơn vị ban hành Quy chế phối hợp theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện cho học sinh:

- Phổ cập bơi, phòng chống đuối nước cho học sinh khối 10.

- Giáo dục lối sống, kỹ năng sống, ý thức phòng tránh dịch bệnh, bảo đảm an toàn trường học

- Thực hiện giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học.

- Học ngoại ngữ với người nước ngoài, tham gia kỳ thi chứng chỉ ngoại ngữ IELTS, HSK3.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào trong dạy học.

- Giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục địa phương, hoạt động trải nghiệm theo khung Chương trình GDPT 2018.

- Tổ chức 24 Câu lạc bộ năng khiếu, học thuật, sở thích.

2.2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023 - 2024

Năm học 2023 - 2024: toàn trường có 45 lớp, tổng số học sinh: 1.981, số học sinh nữ: 1.051, đoàn viên: 1.256, gia đình diện chính sách: 30, gia đình khó khăn: 31, hộ khẩu thành phố: 1.583 (hộ khẩu huyện Hóc Môn: 1.053), hộ khẩu tỉnh: 398.

Khối	Số lớp	Học sinh 2 buổi/ngày			Sĩ số TB HS/lớp	Số HS lưu ban	Gia đình chính sách	Gia đình khó khăn
		Tổng số	Nữ	Dân tộc				

12	15	651	364	2	43	0	10	13
11	14	621	310	0	44	0	9	13
10	16	709	377	2	44	0	11	5
Cộng	45	1981	1051	4	44	0	30	31

Kết quả đánh giá

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	1968	704	616	648
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1813 (92,12%)	624 (88,64%)	559 (90,5%)	630 (99,22%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	150 (7,62%)	77 (10,94%)	55 (8,93%)	18 (2,78%)
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	05 (0,25%)	03 (0,43%)	02 (0,32%)	00 (0%)
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)
II	**Số học sinh chia theo học lực**	1968	704	616	648
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	921 (46,8%)	263 (37,36%)	278 (45,13%)	380 (58,64%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	907 (46,09%)	368 (52,27%)	281 (45,62%)	258 (39,81%)
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	140 (7,11%)	73 (10,37%)	57 (9,25%)	10 (1,54%)
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	00 (0%)	00 (0%)	03 (0%)	00 (0%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)

III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	1968	704	616	648
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1968 (100%)	704 (100%)	616 (100%)	648 (100%)
a	Học sinh giỏi/XS (tỷ lệ so với tổng số)	442 (22,45%)	21 (3%)	44 (7,1%)	377 (58,2%)
b	Học sinh tiên tiến/HSG (tỷ lệ so với tổng số)	738 (37,5%)	242 (34%)	235 (52,23%)	261 (41,8%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	13 (0,66%)	04 (0,57%)	06 (0,97%)	03 (0,46%)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**	17	00	00	17
1	Cấp huyện	00	00	00	00
2	Cấp tỉnh/thành phố	17	00	00	17
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	00	00	00	00
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	645			645
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	645			645

VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng** (tỷ lệ so với tổng số)	600 (93,02%)			600 (93,02%)
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	908/1060	314/390	310/306	284/364
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	02	02	00	02

Nơi nhận:

- Toàn thể viên chức đơn vị;
- Toàn thể Cha mẹ học sinh;
- Công khai trên trang web trường;
- Lưu VT, HT (Thầy Danh).

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG BÀ ĐIỂM

Võ Thành Danh